

Số: 44/QĐ-BVC

Sông Công, ngày 04 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giá dịch vụ chẩn đoán SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại Bệnh viện C Thái Nguyên

Căn cứ luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/TT-BYT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SART-CoV-2;

Căn cứ Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định giá dịch vụ chẩn đoán SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1966/QĐ – BVC ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc phê duyệt kết quả LCNT gói thầu: Mua vật tư y tế, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm COVID – bằng phương pháp Realttime -PCR năm 2021-2022 của Bệnh viện C Thái Nguyên.

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-BVC ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện C – Thái Nguyên về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua bổ sung sinh phẩm chẩn đoán invitro xét nghiệm virus SART-CoV-2 của Bệnh viện C Thái Nguyên tháng 12 năm 2021.

Theo đề nghị của bà Kế toán trưởng bệnh viện.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Điều chỉnh giá dịch vụ chẩn đoán SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại Bệnh viện C Thái Nguyên (*chi tiết tại phụ lục ban hành kèm theo*).

Điều 2: Thời gian áp dụng


Từ ngày 04 tháng 01 năm 2022

Điều 3: Các ông (bà) trưởng phòng Tài chính – Kế toán; Kế hoạch – tổng hợp và các khoa phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4
- Sở Y tế (để báo cáo)
- Lưu: VT, TC-KT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Hưng

Phụ lục

CÔNG KHAI GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS - Cov - 2

(Ban hành kèm theo QĐ số: 44 /QĐ-BV ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc bệnh viện C - Thái Nguyên)

ĐVT: đồng

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	ĐVT	Đơn giá
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
I	Xét nghiệm SARS-CoV-2-Ag test nhanh	Người	59 900
II	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT - PCR trong trường hợp mẫu đơn	Người	431 610
1	Lấy mẫu và bảo quản mẫu	Người	63 200
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả (bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm)	Người	368 410
III	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT - PCR trong trường hợp mẫu gộp		
1	Trường hợp gộp mẫu tại thực địa (nơi lấy mẫu)		
1.1	Trường hợp gộp 2 que	Người	226 705
1.1.1	Lấy mẫu và bảo quản mẫu	Người	31 600
1.1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả (bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm)	Người	195 105
1.2	Trường hợp gộp 3 que	Người	182 570
1.2.1	Lấy mẫu và bảo quản mẫu	Người	31 600
1.2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả (bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm)	Người	150 970
1.3	Trường hợp gộp 4 que	Người	160 503
1.3.1	Lấy mẫu và bảo quản mẫu	Người	31 600
1.3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả (bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm)	Người	128 903
1.4	Trường hợp gộp 5 que	Người	147 262
1.4.1	Lấy mẫu và bảo quản mẫu	Người	31 600
1.4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả (bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm)	Người	115 662
2	Trường hợp gộp mẫu tại phòng xét nghiệm		
2.1	Trường hợp gộp 2 que	Người	271 705
2.1.1	Lấy mẫu và bảo quản mẫu	Người	65 900
2.1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả (bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm)	Người	205 805

2.2	Trường hợp gộp 3 que	Người	227 570
2.2.1	Lấy mẫu và bảo quản mẫu	Người	65 900
2.2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả (bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm)	Người	161 670
2.3	Trường hợp gộp 4 que	Người	205 503
2.3.1	Lấy mẫu và bảo quản mẫu	Người	65 900
2.3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả (bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm)	Người	139 603
2.4	Trường hợp gộp 5 que	Người	192 262
2.4.1	Lấy mẫu và bảo quản mẫu	Người	65 900
2.4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả (bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm)	Người	126 362